

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 229/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Nhơn, ngày 26 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:* Anh Lê Đình T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà đường P, khu vực N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trước khi cưới, anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị Thúy K có thời gian tìm hiểu ngắn rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn B (Nay là phường B) cấp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và có nhiều mâu thuẫn vặt vãnh khác trong cuộc sống hàng ngày. Anh chị đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tại phiên hòa giải, anh T và chị K đều xác định không còn tình cảm với nhau. Quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc yêu cầu thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Anh T và chị K có 01 người con chung tên Lê Minh K2, sinh ngày 29/01/2009 hiện con chung đang ở với chị K, ý kiến của cháu K2 cũng muốn ở với mẹ. Anh T và chị K thỏa thuận giao cháu K2 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn

và cũng thống nhất anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2023. Sự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83,84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ: Anh T và chị K xác định không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ, anh T và chị K tự thỏa thuận chị K chịu 225.000đ và anh T chịu 75.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị Thúy K.

- Về con chung: Giao người con chung tên Lê Minh K2, sinh ngày 29/01/2009 cho chị Nguyễn Thị Thúy K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lê Đình T cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mỗi tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T và chị K không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thúy K tự nguyện chịu 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), anh Lê Đình T tự nguyện chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001846 ngày 28/6/2023 và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001862 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. An Nhơn;
- Chi cục THADS TX. An Nhơn;
- UBND phường B (ĐKKH số, quyển số ngày)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh